BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1479/TB-HVTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024 ĐỢT 03
TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ"; Quyết định số 270/QĐ-HVTC ngày 15/03/2024 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Tài chính"; Tờ trình số 205 ngày 05/10/2024 của trưởng Khoa Sau đại học về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-HVTC ngày 15/3/2024 của Giám đốc Học viện Tài chính; Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2024. Học viện Tài chính thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2024 đợt 03 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Tài chính - Ngân hàng	8.34.02.01	00
2	Kế toán	8.34.03.01	33
3	Quản lý kinh tế	8.34.04.10	33

2. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng.

3. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển:

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển;

3.2. Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại **Phụ lục 01** của Thông báo này.

4. Hình thức và thời gian đào tạo:

4.1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

4.2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng).

5. Điều kiện dự tuyển:

5.1. Điều kiện văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

d) Văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ứng viên dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại **Phụ lục 02** của Thông báo này.

5.2. Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình có số tín chỉ được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài chiếm tối thiểu 75% tổng số tín chỉ;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Tài chính cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục số 03** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Ứng viên dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo qui định hoặc có nhưng đã hết thời hạn, phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Học viện Tài chính tổ chức (nếu có) và phải đạt yêu cầu theo quy định trở lên;

đ) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

5.3. Học bổ sung kiến thức:

Người có bằng đại học trong danh mục ngành thuộc nhóm 1 nhưng đã tốt nghiệp từ 5 năm trở lên (tính từ ngày cấp bằng); Người có bằng đại học trong danh mục ngành thuộc nhóm 2, nhóm 3 theo quy định tại Phụ lục 02 của Thông báo này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

5.4. Điều kiện thâm niên công tác:

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học (dưới 5 năm) thuộc nhóm 1 được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự tuyển sau khi đã tốt nghiệp và được cấp chứng chỉ bổ sung kiến thức ngành, chuyên ngành của Học viện Tài chính.

5.5. Điều kiện về lý lịch:

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.6. Điều kiện về sức khoẻ:

Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Học viện Tài chính sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành đào tạo.

5.7. Điều kiện về hồ sơ:

Thí sinh dự tuyển phải nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Tài chính.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm theo thang điểm 100.

7. Kế hoạch tuyển sinh

7.1. Học bổ sung kiến thức:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 10/10/2024	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký học	Phòng 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học BSKT	Từ ngày 26/10/2024	Thứ bảy, chủ nhật và các tối trong tuần
Thời gian thi các học phần	Từ 14/12/2024 đến 15/12/2024	Tại 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
Thời gian nhận chứng chỉ	Từ 19/12/2024 và 20/12/2024	

7.2. Ôn thi Tiếng Anh:

Thời gian đăng ký học	Từ ngày 10/10/2024	Các ngày trong tuần từ 8h00 đến 17h00
Địa điểm đăng ký ôn thi	Phòng 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội	
Thời gian học ôn thi	Từ ngày 01/11/2024	Các ngày thứ bảy, chủ nhật và buổi tối trong tuần

7.3. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển:

Thời gian phát hành hồ sơ	Từ 01/11/2024 đến 16/12/2024	Tại phòng 305, 405 khoa SĐH – HVTC, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội
Thời gian nhận hồ sơ	Từ 02/12/2024 đến 20/12/2024	

7.4. Thời gian và địa điểm xét tuyển:

Thời gian xét tuyển	**Dự kiến các ngày 28/12/2024 và 29/12/2024**
Địa điểm xét tuyển	Học viện Tài chính (19 ngõ Hàng Cháo - Quận Đống Đa - Hà Nội)

7.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, nhập học và khai giảng khóa học

Công bố kết quả xét tuyển	Dự kiến từ ngày 02/01/2025 đến ngày 03/01/2025

Nhập học	Dự kiến từ ngày 04/01/2025 đến ngày 05/01/2025
Khai giảng	Dự kiến từ ngày 11/01/2025 đến ngày 12/01/2025

8. Học phí: Dự kiến 1.000.000 đồng/01 tín chỉ.

Ghi chú:

- Đối với các thí sinh phải học bổ sung kiến thức:

+ Khi đến đăng ký học bổ sung mang theo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học (bản foto có công chứng) để đối chiếu. Lịch học các học phần bổ sung xem trên Website: **www.** hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn

+ Địa điểm thi các học phần bổ sung kiến thức; nhận chứng chỉ bổ sung kiến thức tại Học viện Tài chính, 19 ngõ Hàng Cháo, Đống Đa, Hà Nội.

+ Nộp hồ sơ vào các ngày **19/12/2024 và 20/12/2024.**

- Mỗi thí sinh chỉ được phép đăng ký dự tuyển vào 01 ngành đào tạo, Học viện Tài chính chỉ nhận hồ sơ dự tuyển theo mẫu do Học viện phát hành tại kỳ thi tuyển sinh năm 2024 đợt 03.

- Học viện Tài chính sẽ thông báo kết quả tuyển sinh trên website: www. hvtc.edu.vn hoặc www.sdh-aof.edu.vn và niêm yết tại bảng tin Khoa Sau đại học.

- Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ theo số điện thoại: 02437338679 (trong giờ hành chính).

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT, Bộ TC *(để báo cáo);*
- Các Bộ, Ngành, TCTy, UBND các tỉnh;
- Ban GĐHV, các Ban, Khoa, Bộ môn;
- Lưu VT, khoa SĐH. (6b)

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

PGS,TS. Nguyễn Đào Tùng

PHỤ LỤC 01

THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Tỷ trọng
1	**Tốt nghiệp đại học**		**70**	**70%**
	- Loại xuất sắc	70		
	- Loại giỏi	65		
	- Loại khá	60		
	- Loại khác	55		
2	**Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường trở lên**		**10**	**10%**
	- Có từ 5 bài trở lên	10		
	- Có từ 2 - 4 bài	7		
	- Có 01 bài	3		
3	**Tham gia hoặc chủ nhiệm: đề tài nghiên cứu KH hoặc công trình dự thi NCKH sinh viên**		**10**	**10%**
	- Đề tài KH cấp Nhà nước	10		
	- Đề tài KH cấp Bộ /Thành phố/Tỉnh	7		
	- Đề tài KH cấp cơ sở	5		
	- Công trình dự thi NCKH sinh viên thuộc lĩnh vực kinh tế đạt giải cấp khoa (hoặc tương đương) trở lên hoặc giấy khen thành tích NCKH sinh viên cấp trường (hoặc cấp cơ sở) trở lên;	3		
4	**Kinh nghiệm công tác (năm)**		**10**	**10%**
	- Từ 10 năm trở lên	10		
	- Từ 5 - 9 năm	7		
	- Từ 2 - 4 năm	5		
	- Dưới 2 năm	3		
	Tổng		**100**	**100%**

PHỤ LỤC SỐ 02

NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TT	Ngành đào tạo	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp đại học
1	**Ngành Tài chính – Ngân hàng**	
1.1	Nhóm 01:	Ngành Tài chính- Ngân hàng của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
1.2	Nhóm 02:	- Các ngành thuộc nhóm ngành Ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm (trừ ngành Tài chính – Ngân hàng) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kế toán- Kiểm toán của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh; Quản trị- Quản lý của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác. - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính- Kế toán; Kinh tế nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
1.3	Nhóm 03:	- Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học và các ngành: Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp ; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Luật kinh tế của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân về tài chính, Hậu cần quân sự về tài chính".
2	**Ngành Kế toán**	
2.1	Nhóm 01:	Ngành Kế toán của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
2.2	Nhóm 02:	- Các ngành thuộc nhóm ngành ngành Kế toán – Kiểm toán (trừ ngành Kế toán) của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Tài chính- Ngân hàng - Bảo hiểm của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh; Quản trị- Quản lý của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các chuyên ngành: Tin học Tài chính kế toán; Tiếng Anh Tài chính- Kế toán; Kinh tế nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác.
2.3	Nhóm 03:	- Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học và các ngành: Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp ; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Luật kinh tế của các cơ sở đào tạo khác. - Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân về tài chính, Hậu cần quân sự về tài chính
3	**Ngành Quản lý kinh tế**	

3.1	Nhóm 01:	Các ngành thuộc nhóm ngành Quản trị- Quản lý của Học viện Tài chính và các cơ sở đào tạo khác.
3.2	Nhóm 02:	- Các ngành thuộc nhóm ngành Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kế toán- Kiểm toán của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh của Học viện Tài chính và của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học và các ngành: Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp ; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Luật kinh tế của các cơ sở đào tạo khác; - Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng: Hậu cần công an nhân dân về tài chính, Hậu cần quân sự về tài chính. - Các chuyên ngành: Tiếng Anh Tài chính - Kế toán; Kinh tế nguồn lực tài chính; Kinh tế đầu tư; Kinh tế - Luật của Học viện Tài chính
3.3	Nhóm 03:	Các ngành: Quản lý giáo dục; Quản lý văn hóa; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản lý công nghiệp; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý thủy sản; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý hoạt động bay; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý trật tự an toàn giao thông của các cơ sở đào tạo khác

PHỤ LỤC 03

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm		Ghi chú
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4	
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93	Các trung tâm IIG,IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện khảo thí Giáo dục Hoa kỳ) ủy quyền
		TOEFL ITP	450-499		Các trung tâm IIG,IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện khảo thí Giáo dục Hoa kỳ) ủy quyền
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5	British Council; IDP Australia và University of Cambridge
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179	Các cơ sở được ủy quyền bởi Cambridge English
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	Các trung tâm IIG,IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện khảo thí Giáo dục Hoa kỳ) ủy quyền
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2	British Council và các đơn vị được ủy quyền
		Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Bậc 3	Bậc 4	Các đơn vị được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/09/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ thao khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào

		diplomas	Diplôme de Langue	Diplôme de Langue	tạo công nhận
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N1	N3	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2	Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận

Ghi chú: *Học viện Tài chính không chấp nhận chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thi theo hình thức Home Edition do các tổ chức nước ngoài cấp trong việc tuyển sinh và đào tạo Sau đại học tại Học viện Tài chính./.*